

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-PT

Ngày: 09-5-2018

V/v “*Tranh chấp quyền nhận tiền
bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thái Lan và ông Mai Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên – Thư ký Tòa án, nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Đào Thị Thu Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Đào Trọng P – sinh năm 1954, bà Huỳnh Thị Q – sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Ông P ủy quyền cho bà Q tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 11/4/2017. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc C – Luật sư Văn phòng luật sư Ngọc C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị C, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên theo Giấy ủy quyền lập ngày 11/4/2017. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tâm H
– Luật sư văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đào Trọng P, sinh năm 1978;

Anh Đào Trọng S (tên gọi khác Đào Trọng P), sinh năm 1980;

Anh Đào Trọng H, sinh năm 1983;

Chị Đào Thị Mỹ D, sinh năm 1986;

Chị Đào Thị Cẩm N, sinh năm 1988;

Đều trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Cùng ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Q theo giấy ủy quyền lập ngày 11/4/2017.

Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1973;

Chị Trần Thị C, sinh năm 1980;

Chị Trần Thị T, sinh năm 1982;

Anh Trần Văn H, sinh năm 1988;

Chị Trần Thị T, sinh năm 1989;

Đều trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Cùng ủy quyền cho anh Trần Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên lập ngày 11/4/2017.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q trình bày: Năm 1995, hộ gia đình ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q (vợ chồng Ông P bà Q) được Nhà nước giao hai đám ruộng theo Nghị định 64/CP với tổng diện tích 2.188 m², (trong đó thửa số 208 có diện tích 1.443 m² và thửa 202 có diện tích 745 m²) loại đất lúa, ở xứ Ô, thuộc đất xâm canh xã H. Sau khi được Nhà nước giao đất, hộ gia đình Ông P bà Q trực tiếp canh tác trên diện tích đất nói trên. Đến ngày 06/12/1998 vì điều kiện sức khỏe, các con còn đi học nên vợ chồng Ông P, bà Q chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần S, bà Bùi Thị C (ông S, bà C) hai thửa đất nói trên để canh tác. Vợ chồng ông S bà C có đưa cho vợ chồng Ông P bà Q 05 chỉ vàng y 99. Hai bên có viết giấy tay không qua xác nhận của chính quyền địa phương, thỏa thuận thời hạn chuyển nhượng kể từ vụ 3 năm 1999 đến năm 2015 khi Nhà nước thu hồi và phân chia lại. Năm 2014 Nhà nước thu hồi diện tích đất nói trên để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V thì xảy ra tranh

chấp việc đứng tên kê khai nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất với bà Bùi Thị C. Vợ chồng Ông P bà Q đã nhiều lần yêu cầu bà C giao trả lại diện tích nói trên. Tuy nhiên bà C không trả mà còn tự ý đi kê khai để được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Do đó, yêu cầu bà C giao toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng cùng khoản tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị C trình bày: Vào ngày 06/12/1998, vợ chồng Ông P bà Q có chuyển nhượng cho vợ chồng ông S bà C hai đám ruộng theo Nghị định 64/CP với tổng diện tích 2.188 m², (trong đó thửa số 208 có diện tích 1.443 m² và thửa 202 có diện tích 745 m²) loại đất lúa, ở xứ Ô, thuộc đất xâm canh xã H với giá 05 chỉ vàng y. Hai bên có viết giấy chuyển nhượng ruộng bằng giấy tay không qua xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung ông Trần S có quyền sử dụng khi nào Nhà nước thu hồi lại đất thì ông S hoàn trả lại, còn Nhà nước không thu hồi đất thì ông S có quyền sử dụng luôn, đồng thời ông S có quyền hưởng mọi quyền lợi. Vợ chồng Ông P bà Q đã giao diện tích ruộng nói trên và vợ chồng ông S bà C đã giao đủ số vàng như đã thỏa thuận. Sau đó, vợ chồng ông S bà C là người trực tiếp sử dụng và canh tác trên diện tích đất ruộng nói trên từ năm 1999 cho đến năm 2010 thì ông Trần S chết, bà C là người trực tiếp sử dụng và canh tác. Đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu V thì xảy ra tranh chấp việc đứng tên kê khai nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất với vợ chồng Ông P, bà Q. Do đó, bà C không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Ông P bà Q, bà C yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Ông P, bà Q và chồng bà lập ngày 06/12/1998 và công nhận cho bà được quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh P, anh S, anh H, chị D, chị N (do bà Q làm đại diện) trình bày: Tại thời điểm Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình ông Đào Trọng P, thì trong hộ gồm có 07 thành viên, tuy nhiên việc ông Đào Trọng P tự ý đứng ra làm giấy chuyển nhượng mà không có sự đồng ý của các con là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên còn lại. Do đó, yêu cầu bà C giao toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng cùng khoản tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Đ; chị Trần Thị C; chị Trần Thị T; chị Trần Thị H; anh Trần Văn H (do anh L làm đại diện hợp pháp) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Áp dụng Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 131 và Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q và vợ chồng ông Trần S (đã chết), bà Bùi Thị C lập ngày 06/12/1998 là vô hiệu toàn bộ.

Nguyên đơn vợ chồng ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q được nhận số tiền 80.956.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tương ứng với giá trị của diện tích 2.188 m² loại đất lúa, thửa 208 và 209, tờ bản đồ số 06 ở xứ đồng Ô, thuộc đất xâm canh xã H.

Buộc nguyên đơn vợ chồng ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q phải trả lại cho bà Bùi Thị C 05 (năm) chỉ vàng y 99 và tiền chênh lệch giá là 31.978.000 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2017, bị đơn bà Bùi Thị C kháng cáo không đồng ý với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vợ chồng ông Đào Trọng P, bà Huỳnh Thị Q đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đất cấp cho hộ gia đình nhưng một mình ông Đào Trọng P chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, bà C chưa có sự đồng ý của các thành viên trong hộ là xâm phạm đến quyền lợi của các thành viên khác trong hộ. Án sơ thẩm tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Bùi Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đơn khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn là yêu cầu Tòa án công nhận cho họ được quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đào Trọng P và ông Trần S lập ngày 06/12/1998, tuy các thành viên khác trong gia đình không ký, nhưng họ đều biết và không phản đối, mãi đến khi Nhà nước thu hồi thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V, có khoản tiền bồi thường, hỗ trợ dẫn đến việc tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, công nhận bị đơn có quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và HĐXX tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp không đúng – Bản chất của vụ án này là đương sự tranh chấp ai là người có quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Do xác định không đúng quan hệ tranh chấp dẫn đến việc giải quyết không hết yêu cầu của đương sự. Cấp sơ thẩm mới giải quyết khoản tiền bồi thường, chưa giải quyết các khoản tiền hỗ trợ - tiền hỗ trợ do dừng sản xuất 03 vụ; tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Đ và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét việc bồi thường, hỗ trợ cho ai và mức hỗ trợ là có thiếu sót. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, nhưng cấp sơ thẩm xác tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng, cần xác định lại là “Tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất” đối với các thửa đất số 208, 209, thuộc tờ bản đồ 117-D, thửa trích đo số 202 và 208 với tổng diện tích 2.188m² theo các quyết định thu hồi đất số 135/QĐ-UBND và 136/QĐ-UBND, ngày 11/01/2017 của UBND huyện Đ.

[2] *Về nội dung*: Do xác định không đúng quan hệ tranh chấp dẫn đến việc giải quyết không hết yêu cầu của đương sự. Cấp sơ thẩm mới giải quyết khoản tiền bồi thường, chưa giải quyết các khoản tiền hỗ trợ - tiền hỗ trợ do dừng sản xuất 03 vụ; tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Đ và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét việc bồi thường, hỗ trợ cho ai và mức hỗ trợ là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận – Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Về án phí: Hoàn lại cho bị đơn bà Bùi Thị C 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Hoàn lại cho bà Bùi Thị C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0003909 ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Yêu cầu của đương sự, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá tài sản sẽ được xem xét khi xét xử lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (02);
- TAND huyện Đ(02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- P. GDKT (01);
- P. TCCB (01);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang